

Phụ lục 1

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO NGHỊ ĐỊNH 235/NĐ-CP

ĐƯỢC GIAO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/NQ-HĐND NGÀY 26/6/2026 NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Chi tiêu giao theo NQ 41/NQ- HĐ ND ngày 26/6/2026 kể từ ngày 01/9/2026	Số đã tuyển dụng năm học 2026 - 2027	Số chưa có mặt	Số tháng ký hợp đồng năm 2026	Trong đó:								Tỉ lệ phụ cấp			Tiền lương, các khoản đóng góp đối với số chưa có mặt	Tiền thưởng theo NĐ 161/2026/ NĐ-CP từ tháng 9-12/2026	Tiền thưởng theo NĐ 73/2024 NĐ-CP đối với hợp đồng NQ 14/2025 /NQ- HĐND	Tổng cộng tiền lương và tiền thưởng	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đã sử dụng	Dự toán thừa (+), thiếu (-) cấp bổ sung	Dự toán cấp đợt này	Dự toán thiếu đề nghị cấp đợt sau	
						Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp từ tháng 9-12/2026 đối với số đã tuyển	Hệ số							Tỷ lệ % ưu đãi nghề của nhà giáo	Phụ cấp thu hút (theo 76/2019/N Đ-CP)	Phụ cấp khu vực										
							Tổng cộng Hệ số lương và các khoản phụ cấp, đóng góp	Hệ số lương theo ngạch	Hệ số phụ cấp ưu đãi ngành	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Hệ số phụ cấp khu vực	Hệ số phụ cấp thu hút theo NĐ76	Hệ số phụ cấp đặc biệt													Hệ số các khoản đóng góp
1	2	3	4	5	6	7*2530*7	8=8.1+ ..8.8	8.1	8.2	8.3	8.4	8.5	8.6	8.7	9	10	11	12	13=8.1*2 530*10% *6	14	15=7+12+ 13+14	16	17	18=15-14- 16	19	20=18- 19
	Tổng cộng:	106	57	49		3.340.820	332	133	81	3	26	50	10	29	10	7	8	2.891.070	133.769	59.136	6.424.795	1.568.739	839.632	5.695.688	5.172.259	523.429
1	Trường THPT Nông Sơn	5	5	0	4	202.203	19,98	11,70	5,27		0,5	-		2,52	45%		0,10	-	11.840		214.043			(214.043)	214.043	-
2	Trường THPT Trần Phú - Việt An	5	5	0	4	206.402	20,40	11,70	4,68		1,5	-		2,52	40%		0,30	-	11.840	9.856	228.098	176.066	105.162	(157.194)	157.194	-
3	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	2	2	0	4	80.881	7,99	4,68	2,11		0,2	-		1,01	45%		0,10	-	4.736		85.617			(85.617)	85.617	-
4	Trường THPT Âu Cơ	7	4	3	4	277.413	27,41	9,36	7,49		2,0	6,55		2,01	80%	70%	0,50	192.880	9.472	4.928	484.693	97.393	39.976	(427.276)	427.276	-
5	Trường THPT Tây Giang	9	3	5	4	249.653	24,67	7,02	5,62		2,1	4,91	3,51	1,51	80%	70%	0,70	321.467	7.104		578.224			(578.224)	578.224	-
6	Trường THPT Tây Giang		1		4	62.658	6,19	2,10	0,42		0,7	1,47	1,05	0,45	20%	70%	0,70	-	2.125		64.783			(64.783)	64.783	-
7	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	4	4	0	4	332.871	32,89	9,36	7,49		2,8	6,55	4,68	2,01	80%	70%	0,70	-	9.472	14.784	357.127	560.835	280.417	(76.709)	76.709	-
8	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	7	1	6	3	42.230	5,56	1,86	0,37		0,7	1,30	0,93	0,40	20%	70%	0,70	300.509	1.412		344.151			(344.151)	344.151	-
9	Trường THPT Tổ Hữu	8	3	4	4	201.988	19,96	7,02	5,62		0,9	4,91		1,51	80%	70%	0,30	257.173	7.104		466.265			(466.265)	466.265	-
10	Trường THPT Tổ Hữu		1		4	50.109	4,95	2,10	0,63		0,3	1,47		0,45	30%	70%	0,30	-	2.125		52.234			(52.234)	52.234	-
11	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	5	1	1	4	53.505	5,29	2,34	1,87	0,572	-	-		0,50	80%			47.717	2.368	4.928	108.518	111.877	71.364	(68.005)	68.005	-
12	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam		3		4	105.423	10,42	7,15	1,43	0,3	-	-		1,54	20%			-	7.236		112.659			(112.659)	112.659	-
13	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	5	1	4	4	72.389	7,15	2,34	1,87	0,3	0,5	1,64		0,50	80%	70%	0,50	257.173	2.368		331.930			(331.930)	331.930	-
14	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	5	2	2	4	111.626	11,03	4,68	3,74	0,6	1,0	-		1,01	80%		0,50	95.434	4.736	9.856	221.652	237.795	142.677	(126.534)	126.534	-

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao theo NQ 41/N Q-HĐ ND ngày 26/6/2026 kể từ ngày 01/9/2026	Số đã tuyển n dựn g năm học 2026 - 2027	Số chur a có mặ t	Số thán g ký hợp đồn g năm 2026	Trong đó:								Tỉ lệ phụ cấp			Tiền lương, các khoản đóng góp đối với số chưa có mặt	Tiền thưởng theo NĐ 73/2024 NĐ-CP đối với hợp đồng NQ 14/2025 /NQ-HĐND	Tổng cộng tiền lương và tiền thưởng	Dự toán giao đầu năm	Dự toán đã sử dụng	Dự toán thừa (+), thiếu (-) cấp bổ sung	Dự toán cấp đợt này	Dự toán thiếu đề nghị cấp đợt sau		
						Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp từ tháng 9-12/2026 đối với số đã tuyển	Hệ số							Tỷ lệ % ưu đãi nghề của nhà giáo	Phụ cấp thu hút (theo 76/2019/N Đ-CP)	Phụ cấp khu vực										
							Tổng cộng Hệ số lương và các khoản phụ cấp, đóng góp	Hệ số lương theo ngạch	Hệ số phụ cấp ưu đãi ngành	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Hệ số phụ cấp khu vực	Hệ số phụ cấp thu hút theo NĐ76	Hệ số phụ cấp đặc biệt												Hệ số các khoản đóng góp	
1	2	3	4	5	6	7*2530*7	8=8.1+ ..8.8	8.1	8.2	8.3	8.4	8.5	8.6	8.7	9	10	11	12	13=8.1*2 530*10% *6	14	15=7+12+ 13+14	16	17	18=15-14- 16	19	20=18- 19
15	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	5	1		4	40.000	3,95	2,44	0,49		0,5			0,52	20%		0,50	-	2.469		42.469			(42.469)	42.469	-
16	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	7	4	3	4	297.653	29,41	9,36	7,49	1,2	2,8	6,55		2,01	80%	70%	0,70	192.880	9.472	14.784	514.789	384.773	200.036	(330.052)	330.052	-
17	Trường THPT Bắc Trà My	12	7	5	4	311.420	30,77	16,38	7,37		3,5	-		3,52	45%		0,50	197.143	16.577		525.140			(525.140)	525.140	-
18	Trường THPT Nam Trà My	25	9	16	4	642.396	63,48	21,06	16,85		6,3	14,74		4,53	80%	70%	0,70	1.028.694	21.313		1.692.403			(1.692.403)	1.168.974	523.429